

Số:08/2022/KSD/CV-CBTT

Hà Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Đầu tư DNA**

- Mã chứng khoán: **KSD**

- Địa chỉ: Đường Lê Châu – KCN Châu Sơn – Thành phố Phủ Lý – Hà Nam

- Điện thoại liên hệ: 0226.384.8888 – 0226.384.0408 Fax: 226.385.0869

- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Phạm Thị Xuân Hương

- Địa chỉ: Đường Lê Châu – KCN Châu Sơn – Thành phố Phủ Lý – Hà Nam

- Điện thoại: 0226.384.8888 – 0226.384.0408 Fax: 226.385.0869

- Loại thông tin công bố:

24h

72h

bất thường

theo yêu cầu

định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2022 và Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế.

3. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ nội dung công bố thông tin: <http://www.hangermetal.vn/>

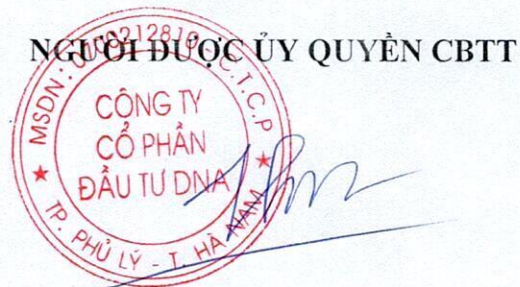
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2022;
- Giải trình chênh lệch LNST.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.



PHẠM THỊ XUÂN HƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Kèm theo

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	[2] - [4]
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	[5] - [6]
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	[7] - [8]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	[9]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	[10]
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc	[11] - [31]

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư DNA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư DNA là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700212810 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29 tháng 09 năm 2009 và được đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 25 tháng 02 năm 2015.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Fu Jianmu	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 17/05/2022)
- Bà Đàm Thị Ái Len	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 17/05/2022)
- Ông Bùi Việt Vương	Phó chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 17/05/2022)
- Ông Hoàng Tùng	Thành viên
- Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Việt Vương	Tổng Giám đốc
- Bà Phạm Thị Xuân Hương	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thị Hằng Hải	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 20/04/2022)
- Bà Bùi Thị Loan	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 26/04/2022)
- Bà Đới Thị Diệp	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/04/2022)
- Bà Đỗ Thị Thanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/04/2022)
- Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/04/2022)

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại đường Lê Chân, Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

5. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nam, ngày 08 tháng 08 năm 2022

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Bùi Việt Vương

Số: 74/2022/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư DNA**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư DNA được lập ngày 08 tháng 08 năm 2022, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư DNA chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư DNA tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán của Công ty bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh. Kiểm toán viên của đơn vị kiểm toán này đã phát hành báo cáo kiểm toán với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam *thum*



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0162-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01a – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.496.483.169	53.679.832.612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.532.037.019	2.261.300.250
1. Tiền	111	5.1	9.532.037.019	2.261.300.250
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.745.550.526	42.682.631.453
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	45.548.985.367	41.129.506.961
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.857.065.159	1.428.013.703
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4	1.400.390.660	186.001.449
4. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.8	(60.890.660)	(60.890.660)
III. Hàng tồn kho	140	5.5	9.013.899.665	5.805.490.641
1. Hàng tồn kho	141		9.023.774.503	5.815.365.479
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(9.874.838)	(9.874.838)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.204.995.959	2.930.410.268
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	258.910.012	289.513.992
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.946.085.947	2.640.896.276
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		72.854.030.351	78.617.465.300
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.502.700.000	18.002.700.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		13.502.700.000	18.002.700.000
II. Tài sản cố định	220		53.572.585.931	53.476.695.301
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	53.572.585.931	53.476.695.301
- Nguyên giá	222		103.850.550.087	100.770.459.680
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.277.964.156)	(47.293.764.379)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.022.971.116	3.080.090.407
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	2.022.971.116	3.080.090.407
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.755.773.304	4.057.979.592
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	3.755.773.304	4.057.979.592
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		146.350.513.520	132.297.297.912

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a – DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		24.541.963.173	11.676.890.093
I. Nợ ngắn hạn	310		24.541.963.173	11.676.890.093
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	2.688.328.192	6.253.027.262
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	-	43.205.884
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	2.788.783.549	2.801.444.546
4. Phải trả người lao động	314		812.470.018	448.326.213
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	540.367.000	2.082.566.998
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	139.827.916	48.319.190
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	17.572.186.498	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.16	121.808.550.347	120.620.407.819
I. Vốn chủ sở hữu	410		121.808.550.347	120.620.407.819
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		100.000.000	100.000.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		1.708.550.347	520.407.819
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		520.407.819	(18.653.430.010)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.188.142.528	19.173.837.829
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		146.350.513.520	132.297.297.912

Hà Nam, ngày 08 tháng 08 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Mạnh Khuê

Nguyễn Hồng Tuấn

Bùi Việt Vương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 02a – DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	61.113.703.443	25.299.674.793
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		61.113.703.443	25.299.674.793
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	56.015.230.066	25.281.553.705
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.098.473.377	18.121.088
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	119.363.358	54.582.691
7. Chi phí tài chính	22	6.5	66.734.189	47.412.896
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		63.170.675	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	1.638.079.236	1.597.018.668
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	2.151.964.838	1.995.819.713
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.361.058.472	(3.567.547.498)
11. Thu nhập khác	31	6.6	43.563.736	90
12. Chi phí khác	32	6.7	4.483.932	887.436
13. Lợi nhuận khác	40		39.079.804	(887.346)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.400.138.276	(3.568.434.844)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	211.995.748	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.188.142.528	(3.568.434.844)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	6.11	99	(297)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	6.11	99	(297)

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 08 tháng 08 năm 2022
Tổng Giám đốc




Nguyễn Mạnh Khuê

Nguyễn Hồng Tuấn

Bùi Việt Vương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B 03a – DN

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		64.502.649.916	17.910.009.667
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(69.911.370.105)	(25.551.692.501)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.362.742.008)	(2.212.350.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(63.170.675)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.105.595.715	3.617.566.576
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.149.233.542)	(4.413.957.183)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		(5.878.270.699)	(10.650.423.441)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.144.220.873)	(147.570.733)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		537.409	52.859.764
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.143.683.464)	(94.710.969)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		21.221.160.640	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.946.396.785)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		17.274.763.855	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		7.252.809.692	(10.745.134.410)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.261.300.250	14.416.975.943
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		17.927.077	(519.519)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	9.532.037.019	3.671.322.014

Hà Nam, ngày 08 tháng 08 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Mạnh Khuê

Nguyễn Hồng Tuấn

Bùi Việt Vương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư DNA là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0700212810 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29 tháng 09 năm 2009 và được đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 25 tháng 02 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất mắc áo, mắc quần xuất khẩu.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất đồ điện dân dụng: Nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt;
- Nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, trồng cây ăn quả;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và các vật liệu tết bện;
- Buôn bán kim loại, quặng kim loại;
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình: nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt, điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất các mặt hàng: Điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Xuất nhập khẩu hàng: điện lạnh, điện tử, điện cơ, điện máy, thiết bị, vật tư, đồ dùng gia đình khác, các sản phẩm từ khai thác, chế biến khoáng sản phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty;
- Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái;
- Sản xuất các mặt hàng: cơ khí, kim khí, sơn tĩnh điện, mạ kim loại;
- Sản xuất và gia công các loại mắc treo quần áo bằng kim loại "METAL HANGER";
- Sản xuất xốp cách nhiệt, xốp bao bì;
- Sản xuất chế biến các loại gỗ tự nhiên và công nghiệp;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Cho thuê nhà xưởng để làm văn phòng và xưởng sản xuất;
- Cho thuê kho bãi, thiết bị;
- Mua bán ô tô, xe máy, xe đạp;
- Mua bán vải, hàng sành sứ, vật tư ngành cơ khí;
- Hoạt động mua bán: rượu, bia, bánh kẹo;
- Mua bán gỗ chế biến, than đá, quặng, phế liệu; xuất nhập khẩu khoáng sản, sắt thép;
- Xuất nhập khẩu, mua bán máy, thiết bị và vật tư, phụ tùng máy công, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu và mua bán các sản phẩm kim loại và quặng kim loại;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN

- Sản xuất, gia công túi nilon và bao bì xuất khẩu;
- Mua, bán, xuất nhập khẩu xe máy, xe có động cơ và phụ tùng các loại;
- Mua, bán, xuất nhập khẩu ô tô và phụ tùng ô tô các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Tổng số lao động của công ty tại ngày 30/06/2022: 129 lao động.

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải	04 - 30 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05-10 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN

4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.7. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.9. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trong trường hợp đã cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng mà giao dịch cung cấp sản phẩm, dịch vụ đó liên quan đến nhiều kỳ kế toán và khách hàng hiện tại thanh toán cho một phần hoặc toàn bộ sản phẩm, dịch vụ đã được cung cấp liên quan đến nhiều kỳ kế toán đó.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ, khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống. Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ căn cứ theo nguyên tắc phù hợp với doanh của từng năm tài chính.

4.10. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

4.11. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN

- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.12. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay và lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ. Chi phí cho hoạt động đầu tư phát sinh trong kỳ kế toán. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.13. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 8%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN

4.16. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số 8.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền mặt	3.399.231.055	2.242.621.278
Tiền gửi ngân hàng	6.132.805.964	18.678.972
Cộng	9.532.037.019	2.261.300.250

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022	01/01/2022
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	45.548.985.367	41.129.506.961
- Ông Nguyễn Đức Nhuận (*)	6.500.000.000	12.000.000.000
- Công ty cổ phần Quốc tế GSL	11.917.587.777	-
- Công ty TNHH JY Plasteel Vina	4.963.742.873	2.689.370.688
- Equipment trading Co.,Ltd	8.949.729.527	7.830.626.903
- Truong Hong Development Multidisciplinary Group .,Ltd	12.882.482.718	15.916.348.627
- Các khoản phải thu khách hàng khác	335.442.472	19.334.702.153
b) Phải thu khách hàng dài hạn	13.502.700.000	18.002.700.000
- Ông Nguyễn Đức Nhuận (*)	13.502.700.000	18.002.700.000
Cộng	59.051.685.367	59.132.206.961
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

(*) Phải thu ông Nguyễn Đức Nhuận theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCN-HP ngày 21 tháng 12 năm 2021. Lịch thanh toán như sau: năm 2022 thanh toán 12 tỷ đồng trong đó đã trả 10 tỷ đồng, năm 2023 thanh toán 9 tỷ đồng và năm 2024 thanh toán số còn lại và được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 824538 cấp ngày 14/04/2016, số CO386715 cấp ngày 04/07/2018 và số CE430781 cấp ngày 25/11/2016 theo Biên bản thỏa thuận và bàn giao tài sản số 01.2022/BBBG ngày 21/12/2021 và số 02.2022 ngày 21/12/2021.

5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2022	01/01/2022
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.857.065.159	1.428.013.703
- Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất và Xây dựng Thương mại Ngọc Tân	2.895.000.000	1.295.000.000
- Công ty TNHH mua bán thiết bị PCCC Tuân Minh	60.000.000	60.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Việt Mỹ 68	1.900.000.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	2.065.159	73.013.703
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-

5.4 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.400.390.660	-	186.001.449	-
- Tạm ứng	1.206.500.000	-	-	-
- Phải thu khác	193.890.660	-	185.890.660	-
- Phải trả, phải nộp khác(dư Nợ)	-	-	110.789	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

5.5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	8.390.805.671	-	5.293.639.521	-
Thành phẩm nhập kho	420.941.412	9.874.838	309.698.538	9.874.838
Hàng hóa	212.027.420		212.027.420	
Cộng	9.023.774.503	9.874.838	5.815.365.479	9.874.838

5.6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn	258.910.012	289.513.992
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	258.910.012	289.513.992
b) Dài hạn	3.755.773.304	4.057.979.592
- Chi phí san nền (*)	2.352.584.809	2.387.566.615
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	414.912.185	37.968.290
- Chi phí sửa chữa tài sản	779.321.453	1.385.874.514
- Chi phí trả trước khác	208.954.857	246.570.173
Cộng	4.014.683.316	4.347.493.584

(*) là chi phí san nền để chuẩn bị mặt bằng xây dựng nhà xưởng của Công ty trên đất thuê của Nhà nước (đại diện là Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam). Thời gian phân bổ tương ứng với thời gian thuê đất.

5.7 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn****b) Xây dựng cơ bản dở dang**

- Mua sắm máy móc thiết bị

Cộng

	30/06/2022	01/01/2022
	2.022.971.116	3.080.090.407
Cộng	2.022.971.116	3.080.090.407

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a - DN**5.8 . NỢ XẤU**

Đơn vị: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu ngắn hạn				
Ông Lý Trung Chi	60.890.660	-	(60.890.660)	-
Cộng	60.890.660	-	(60.890.660)	-

5.9 . TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	60.480.751.000	19.324.882.461	20.923.917.128	40.909.091	-	100.770.459.680
Tăng trong kỳ	-	3.080.090.407	-	-	-	3.080.090.407
- Mua trong kỳ	-	3.080.090.407	-	-	-	3.080.090.407
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	60.480.751.000	22.404.972.868	20.923.917.128	40.909.091	-	103.850.550.087
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	27.865.606.501	7.756.448.285	11.647.355.669	24.353.924	-	47.293.764.379
Tăng trong kỳ	1.143.517.692	1.331.848.377	504.742.800	4.090.908	-	2.984.199.777
- Số khấu hao trong kỳ	1.143.517.692	1.331.848.377	504.742.800	4.090.908	-	2.984.199.777
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	29.009.124.193	9.088.296.662	12.152.098.469	28.444.832	-	50.277.964.156
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	32.615.144.499	11.568.434.176	9.276.561.459	16.555.167	-	53.476.695.301
2. Tại ngày cuối kỳ	31.471.626.807	13.316.676.206	8.771.818.659	12.464.259	-	53.572.585.931

• Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

• Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

25.721.062.728 VND
5.594.024.868 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

5.10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.688.328.192	2.688.328.192	6.253.027.262	6.253.027.262
- Công ty Cổ phần Quốc tế GSL	-	-	773.826.724	773.826.724
- Công ty Cổ phần Bao bì Xuân Cầu	541.692.108	541.692.108	660.745.888	660.745.888
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Tất Đạt	-	-	27.600.000	27.600.000
- Công ty TNHH Vận tải Bách Việt	299.919.863	299.919.863	518.752.036	518.752.036
- CN Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sơn Bình Tây	471.974.907	471.974.907	455.062.641	455.062.641
- Công ty TNHH Đức Lâm	280.900.913	280.900.913	393.308.913	393.308.913
- Hengfeng Trade Industry Co., Ltd.	1.006.452.552	1.006.452.552	2.922.641.919	2.922.641.919
- Phải trả cho các đối tượng khác	87.387.849	87.387.849	501.089.141	501.089.141
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
5.11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	43.205.884	43.205.884
- Chung Hwa Prince Group Corp	-	-	43.205.884	43.205.884
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

5.12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp và bù trừ trong kỳ	Cuối kỳ
Phải nộp	2.801.444.546	5.082.404.348	5.095.065.345	2.788.783.549
- Thuế GTGT	-	4.607.952.090	4.607.952.090	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.573.443.461	211.995.748	-	2.785.439.209
- Thuế thu nhập cá nhân	136.085	10.416.510	7.208.255	3.344.340
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	227.865.000	249.040.000	476.905.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.13 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn	139.827.916	48.319.190
- Bảo hiểm xã hội	123.720.223	40.496.734
- Bảo hiểm y tế	11.005.154	7.822.456
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.445.590	-
- Phải trả, phải nộp khác	2.656.949	-
b) Dài hạn	-	-
c) Phải trả khác là các bên liên quan	-	-

5.14 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn	540.367.000	2.082.566.998
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	540.367.000	2.082.566.998
b) Dài hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a - DN

5.15 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a) Vay	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	17.572.186.498	17.572.186.498	21.518.583.283	3.946.396.785	-	-
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>17.572.186.498</i>	<i>17.572.186.498</i>	<i>21.518.583.283</i>	<i>3.946.396.785</i>	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (1)	17.572.186.498	17.572.186.498	21.518.583.283	3.946.396.785	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	17.572.186.498	17.572.186.498	21.518.583.283	3.946.396.785	-	-

(1) Công ty vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/3563738/HĐTD ngày 11/03/2022 hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 20 tỷ đồng bao gồm cả tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 11/03/2023, lãi suất quy định theo từng kế ước nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2022/3563738/HĐBĐ ngày 11/03/2022 bao gồm 20 máy đúc phun để đúc Plastic nhập khẩu từ Trung Quốc và hợp đồng thế chấp số 02/2022/3563738/HĐBĐ ngày 19/04/2022 là tài sản gắn liền với thửa đất số 32 địa chỉ KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam bao gồm khu vực văn phòng số 02, nhà nghỉ ca số 2,3, nhà ăn ca, nhà phụ trợ, nhà ăn văn phòng, nhà văn phòng điều hành 1, nhà nghỉ ca số 1 và 6 nhà xưởng sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a - DN

5.16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	-	-	100.000.000	(18.653.430.010)	101.446.569.990
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	19.173.837.829	19.173.837.829
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	-	-	100.000.000	520.407.819	120.620.407.819
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	1.188.142.528	1.188.142.528
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	120.000.000.000	-	-	100.000.000	1.708.550.347	121.808.550.347

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp tại ngày 30/06/2022	30/06/2022	01/01/2022
Ông Fu Jianmu	24,63%	29.560.000.000	29.560.000.000
Ông Bùi Việt Vương	17,50%	21.000.000.000	21.000.000.000
Ông Nguyễn Hồng Tuân	5,00%	6.000.000.000	6.000.000.000
Ông Hoàng Tùng	5,09%	6.107.000.000	6.107.000.000
Bà Đàm Thị Ái Len	6,00%	7.201.000.000	7.201.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	41,78%	50.132.000.000	50.132.000.000
Cộng	100%	120.000.000.000	120.000.000.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Vốn góp đầu năm		120.000.000.000	120.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ		-	-
- Vốn góp cuối kỳ		120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-	-
d) Cổ phiếu		30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông		12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại			
- Cổ phiếu phổ thông		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông		12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng	10.000 đồng
e) Các quỹ của doanh nghiệp		30/06/2022	01/01/2022
- Quỹ đầu tư phát triển		100.000.000	100.000.000
g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

5.17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**30/06/2022****01/01/2022**

1) Ngoại tệ các loại

USD

5.066,91

704,15

+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

4.668,81

-

+ Ngân hàng TMCP Á Châu

154,71

154,71

+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

243,39

549,44

Cộng**5.066,91****704,15**

2) Vật liệu gia công

Tại ngày 30/06/2022, Công ty có nắm giữ một số hàng nhận gia công của khách hàng nhưng chưa hoàn thành bàn giao là các nguyên vật liệu hạt nhựa sản xuất đồ chơi.

5.18 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH**6 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**Từ 01/01/2022
đến 30/06/2022Từ 01/01/2021
đến 30/06/2021

a) Doanh thu

61.113.703.443**25.299.674.793**

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

56.585.983.259

22.832.964.849

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

4.474.989.184

2.404.285.468

- Doanh thu khác

52.731.000

62.424.476

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

-

-

6.2 . GIÁ VỐN HÀNG BÁNTừ 01/01/2022
đến 30/06/2022Từ 01/01/2021
đến 30/06/2021

Giá vốn của hàng đã bán

56.015.230.066**25.281.553.705**

- Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm

54.166.131.833

25.136.370.160

- Giá vốn cung cấp dịch vụ

1.849.098.233

145.183.545

Cộng**56.015.230.066****25.281.553.705****6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**Từ 01/01/2022
đến 30/06/2022Từ 01/01/2021
đến 30/06/2021

- Lãi tiền gửi, cho vay

537.409

50.718.691

- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

38.772.500

3.864.000

- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

80.053.449

-

Cộng**119.363.358****54.582.691****6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**Từ 01/01/2022
đến 30/06/2022Từ 01/01/2021
đến 30/06/2021

- Lãi tiền vay

63.170.675

-

- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

3.563.514

47.412.896

Cộng**66.734.189****47.412.896****6.6 . THU NHẬP KHÁC**Từ 01/01/2022
đến 30/06/2022Từ 01/01/2021
đến 30/06/2021

- Thu nhập khác

43.563.736

90

Cộng**43.563.736****90**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

6.7 . CHI PHÍ KHÁC

- Các khoản phạt hành chính
- Cộng**

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
4.483.932	887.436
4.483.932	887.436

6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

- Chi phí nhân viên
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Thuế, phí, lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí quản lý bằng tiền khác

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
2.151.964.838	1.995.819.713
842.494.163	600.319.154
316.525.680	496.727.712
41.520.002	51.967.933
894.882.383	139.882.554
56.542.610	706.922.360

b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

1.638.079.236	1.597.018.668
563.554.066	780.235.325
1.074.525.170	816.783.343

6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác
- Cộng**

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
17.866.542.023	12.839.029.407
4.827.217.251	2.449.807.386
2.984.199.777	2.366.137.772
2.808.501.713	2.682.805.711
1.131.067.780	180.011.058
29.617.528.544	20.517.791.334

6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế
- + Chi phí phạt vi phạm hành chính
- + Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành
- + Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của khoản mục tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế
- + Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của khoản mục tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu
- Tổng thu nhập chịu thuế
- Thuế suất thuế TNDN
- Thuế TNDN hiện hành
- Lợi nhuận sau thuế TNDN

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
1.400.138.276	(3.568.434.844)
65.483.932	159.980.081
4.483.932	887.436
61.000.000	111.000.000
-	48.092.645
405.643.467	-
405.643.467	-
1.059.978.741	(3.408.454.763)
20%	20%
211.995.748	-
1.188.142.528	(3.568.434.844)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

6.11 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	1.188.142.528	(3.568.434.844)
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	-	(3.568.434.844)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu	99	(297)

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**7.1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai****7.2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:****7.3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
21.221.160.640	-

7.4 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
3.946.396.785	-

8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính giữa niên độ này.

8.3 . Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý theo Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

8.4 . Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2022			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.532.037.019	-	9.532.037.019
Phải thu khách hàng	45.548.985.367	13.502.700.000	59.051.685.367
Phải thu khác	1.400.390.660	-	1.400.390.660
Trừ:	(60.890.660)	-	(60.890.660)
Dự phòng phải thu khó đòi	(60.890.660)	-	(60.890.660)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	56.420.522.386	13.502.700.000	69.923.222.386
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	17.572.186.498	-	17.572.186.498
Phải trả người bán	2.688.328.192	-	2.688.328.192
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	139.827.916	-	139.827.916
Tổng cộng	20.400.342.606	-	20.400.342.606
Chênh lệch thanh khoản thuần	36.020.179.780	13.502.700.000	49.522.879.780
Ngày 01/01/2022			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.261.300.250	-	2.261.300.250
Phải thu khách hàng	41.129.506.961	18.002.700.000	59.132.206.961
Phải thu khác	186.001.449	-	186.001.449
Trừ:	(60.890.660)	-	(60.890.660)
Dự phòng phải thu khó đòi	(60.890.660)	-	(60.890.660)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	43.515.918.000	18.002.700.000	61.518.618.000
Phải trả người bán	6.253.027.262	-	6.253.027.262
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	48.319.190	-	48.319.190
Tổng cộng	6.301.346.452	-	6.301.346.452
Chênh lệch thanh khoản thuần	37.214.571.548	18.002.700.000	55.217.271.548

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.452.076.027	59.318.208.410	60.391.185.367	59.257.317.750
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.532.037.019	2.261.300.250	9.532.037.019	2.261.300.250
Tổng cộng	69.984.113.046	61.579.508.660	69.923.222.386	61.518.618.000
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	17.572.186.498	-	17.572.186.498	-
Phải trả người bán	2.688.328.192	6.253.027.262	2.688.328.192	6.253.027.262
Phải trả khác	139.827.916	48.319.190	139.827.916	48.319.190
Tổng cộng	20.400.342.606	6.301.346.452	20.400.342.606	6.301.346.452

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8.5 . Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan**

Trong kỳ kế toán và tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan với Công ty:

Họ và tên	Mối quan hệ
Ông Fu Jianmu	Chủ tịch HĐQT (Đến ngày 17/05/2022)
Bà Đàm Thị Ái Len	Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 17/05/2022)
Ông Bùi Việt Vương	Phó chủ tịch HĐQT (Từ ngày 17/05/2022)
Ông Hoàng Tùng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hằng Hải	Trưởng Ban kiểm soát (Đến ngày 20/04/2022)
Bà Bùi Thị Loan	Trưởng Ban kiểm soát (Từ ngày 26/04/2022)
Bà Đới Thị Diệp	Thành viên (Đến ngày 20/04/2022)
Bà Đỗ Thị Thanh	Thành viên (Từ ngày 20/04/2022)
Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên (Từ ngày 20/04/2022)

Ngoài ra, bên liên quan của Công ty còn bao gồm các thành viên có mối quan hệ như vợ, chồng, con, bố, mẹ, anh, chị, em ruột... của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

b) Thù lao chi trả trong kỳ kế toán cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Ông Fu Jianmu	Chủ tịch HĐQT (Đến ngày 17/05/2022)	25.000.000
Bà Đàm Thị Ái Len	Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 17/05/2022)	18.000.000
Ông Bùi Việt Vương	Phó chủ tịch HĐQT (Từ ngày 17/05/2022)	210.400.000
Ông Hoàng Tùng	Thành viên HĐQT	18.000.000
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	93.401.500
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Phó Tổng giám đốc	61.780.000
Bà Nguyễn Thị Hằng Hải	Trưởng Ban kiểm soát (Đến ngày 20/04/2022)	8.000.000
Bà Bùi Thị Loan	Trưởng Ban kiểm soát (Từ ngày 26/04/2022)	8.000.000
Bà Đới Thị Diệp	Thành viên (Đến ngày 20/04/2022)	4.000.000
Bà Đỗ Thị Thanh	Thành viên (Từ ngày 20/04/2022)	46.545.510
Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên (Từ ngày 20/04/2022)	2.000.000
Tổng cộng		495.127.010

8.6 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư DNA đã được kiểm toán và soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh.

8.7 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

8.8 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ kế toán Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Hà Nam, ngày 08 tháng 08 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Khuê



Nguyễn Hồng Tuấn



Bùi Việt Vương

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ DNA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1108/2022/KSD-CVGT

Hà Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2022

Vv: Giải trình sự chênh lệch Lợi nhuận sau thuế thu
nhập doanh nghiệp tại báo cáo tài chính
bán niên soát xét 2022

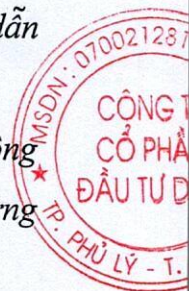
Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư DNA
- Mã chứng khoán: KSD
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường Lê Châu, KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.
- Điện thoại liên hệ: 0226.384.8888 – 0226.384.0408 Fax: 226.385.0869
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Phạm Thị Xuân Hương
- Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.hangermetal.vn/>
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2021 và năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư DNA gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư DNA xin gửi giải trình về trường hợp hợp:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo chuyển từ lỗ sang lãi,
 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau soát xét từ 5% trở lên. Cụ thể
- Đối với BCTC bán niên soát xét năm 2021, Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty là (3.568.434.844) đồng.
 - Đối với BCTC bán niên soát xét năm 2022, Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty là 1.188.142.528 đồng. So với cùng kỳ năm trước, LNST của Công ty đã chuyển từ lỗ sang lãi và tăng 133,3%.



- Đối với BCTC quý II năm 2022, Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II của Công ty là 1.056.419.740 đồng. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo sau soát xét tăng 12,47% so với trước khi soát xét.

Nguyên nhân:

Lợi nhuận sau thuế có sự thay đổi là do:

- Trong 6 tháng đầu năm 2022 Công ty đã đẩy mạnh việc sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ. Doanh thu đạt được trong 6 tháng đầu năm là 61.113.703.443 đồng, tăng gấp 2,42 lần so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm của Công ty 1.188.142.528 đồng có lãi và chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ năm trước.
- Do thực hiện đánh giá lại tỷ giá tại thời điểm soát xét đã dẫn đến sự chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo trước và sau soát xét.

Từ các yếu tố nêu trên đã tác động tích cực đến lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA
TỔNG GIÁM ĐỐC**



BÙI VIỆT VƯƠNG